

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới nâng cao đối với xã Đức Mỹ năm 2021**

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2021.

Căn cứ Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-UBND, ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-BCĐ ngày 03/8/2021 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 30/11/2011 của Huyện ủy Càng Long Về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 28-KH/HU ngày 22/7/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy Càng Long Về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 21/5/2021 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Càng Long về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021;

Căn cứ Tờ trình số 194/TTr-UBND, ngày 25/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã Đức Mỹ về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt nông thôn mới nâng cao năm 2021,

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Đức Mỹ, UBND huyện Càng Long báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã Đức Mỹ năm 2021, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra từ ngày 26/11/2021 đến ngày 06/12/2021.

1. Về hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã Đức Mỹ về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Đức Mỹ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021;
- Báo cáo kết quả thực hiện 20 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Đức Mỹ (kèm theo Phụ lục);
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã Đức Mỹ và kết quả thực hiện 20 tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2021;
- Biên bản cuộc họp, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Đức Mỹ.
- Báo cáo tình hình nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.
- Hình ảnh minh họa kèm theo.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (kể cả khi điều chỉnh quy hoạch) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (có biên bản).

1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt (thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1. Có thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 5119/QĐ-UBND, ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện. Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai để người dân biết và thực hiện: Quy hoạch chung; Quy hoạch chi tiết trung tâm xã và Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông - thủy sản và phát triển kinh tế nông thôn đã được công bố theo hình thức hội nghị tại UBND xã để thông qua nội dung quy hoạch, công bố các bản vẽ quy hoạch bằng pano tại trụ sở UBND xã.

1.2. Năm 2019 xã thực hiện điều chỉnh quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định số 5957/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đức Mỹ, huyện Càng Long đến năm 2030. Có tiến hành niêm yết công khai đảm bảo. Nhìn chung đến nay xã thực hiện bám theo quy hoạch.

Kinh phí đã thực hiện: 400 triệu đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Quy hoạch theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Có 100% đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ($B_{mặt} \geq 3,5$ m, $B_{nền} \geq 5$ m) trở lên.

2.2. Có 70% đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt} \geq 3$ m, $B_{nền} \geq 4$ m) trở lên.

2.3. Có 100% đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và 70% đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{mặt} \geq 1,5$ m, $B_{nền} \geq 2$ m) trở lên.

2.4. Có 70% đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt} \geq 3$ m, $B_{nền} \geq 4$ m) trở lên.

2.5. Có 50% đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng.

2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

2.1. Đường liên xã: Tổng chiều dài 18,66 km, được nhựa hóa đạt 100%, mặt đường rộng 6,5 m, mặt nhựa 3,5 m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

2.2. Đường liên ấp: Toàn xã có 07 tuyến, tổng chiều dài 38,69 km, trong đó đã được nhựa hóa, bê tông hóa là 30,85 km, %, mặt đường rộng 4 m, mặt nhựa, đal 3 m đạt 79,73%. Còn lại 7,84 km đã được bơm cát, trải đá mi giúp người dân lưu thông không lầy lội trong mùa mưa đạt 100%.

2.3. Đường ngõ xóm: Toàn xã có 19 tuyến, chiều dài 18,45 km được đal hóa 13,2 km, mặt đường rộng 2-4 m, mặt đal 2 – 2,5 m đạt tỷ lệ 71,54% và đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa. Còn lại 5,25 km nền đường bơm cát, trải đá mi giúp bà con đi lại không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%.

2.4. Toàn xã có 02 tuyến với tổng chiều dài 2,8 km đã được cứng hóa 2,8 km đạt 100% đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

2.5. Tỷ lệ đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng: Toàn xã có 23,6/24 km đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn đường chiếu sáng, đạt 98,33%.

2.6. Các tuyến đường luôn được các đơn vị, cơ quan quản lý thường xuyên duy tu, sửa chữa không để hư hỏng dẫn đến mất an toàn giao thông. Đã tiến hành nâng cấp, sửa chữa 12 km đường trung tâm xã; 2,3 km đường liên ấp và 2,8 km đường đal ngõ xóm.

Kinh phí đã thực hiện: 26,032 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương: 4,355 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 6,560 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện: 3,950 tỷ đồng.

- Ngân sách xã: 2,589 tỷ đồng

- Dân đóng góp: 8,578 tỷ đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Giao thông theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:

a) Yêu cầu của tiêu chí

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1. Tổng diện tích đất nông nghiệp của xã là 1.424,3 ha, trong đó diện tích được chủ động tưới tiêu là 1.320 ha đạt 92,68%.

3.2. Xã hiện có 05 tuyến đê bao với tổng chiều dài 18,12 km đã được gia cố chắc chắn, đảm bảo ngăn được triều cường chủ động trong sản xuất; Thủy lợi có 03 tuyến kênh với tổng chiều dài là 9,6 km đã được nạo vét hoàn chỉnh.

Kinh phí đã thực hiện: **22,516 tỷ đồng.**

- Ngân sách tỉnh: 12,780 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện: 6,228 tỷ đồng.

- Dân đóng góp: 3,508 tỷ đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Thủy lợi theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

4. Tiêu chí số 4 về Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.

4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 99\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn theo quy định và phủ khắp trên toàn xã do điện lực Càng Long và điện lực nông thôn cung cấp. Tổng số đường dây trung thế 34,5 km; Hạ thế 70,8 km; 62 trạm biến áp dung lượng 2.167,5 KVA. Đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của người dân.

4.2. Toàn xã có 2.175/2.182 hộ sử dụng điện thường xuyên chiếm 99,67%. Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn từ các nguồn 2.166/2.175 hộ đạt 99,6%.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Điện theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đến nay trên địa bàn xã có 3/4 trường học có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Quốc gia (Trường THCS, Trường Tiểu học A, Trường Mẫu giáo Hoàng Oanh trên địa bàn ấp Mỹ Hiệp A) đạt tỷ lệ 75%; trong đó có 1 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia là Trường Tiểu học A.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Trường học theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

6. Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi

6.3. Có 100% ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (cây xanh hoặc hàng rào kiên cố; có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

6.1. Xã có Nhà văn hóa rộng 272,85 m² có sức chứa trên 200 chỗ ngồi, có đủ 3 phòng chức năng hoàn chỉnh đã đưa vào sử dụng gồm phòng hành chính tổng hợp, phòng đọc sách, thư viện; khu thể thao với diện tích 7.412,68 m² địa điểm ấp Mỹ Hiệp đảm bảo phục vụ các hoạt động thể thao cho Nhân dân trong xã.

6.2. Xã có khu vui chơi, giải trí, thể thao trẻ em và người cao tuổi tại khu thể thao xã diện tích 200 m².

6.3. Xã có 09/09 ấp đều có nhà văn hóa đảm bảo được 100 chỗ ngồi cho người dân đến hội họp, giao lưu văn nghệ; Khu thể thao 09 ấp, xã bố trí 3 khu thể thao liên ấp khu 1 bố trí tại ấp Long Sơn với diện tích 1.200 m², khu 2 bố trí tại Mỹ Hiệp A với diện tích 1.000 m², khu 3 bố trí tại ấp Thạnh Hiệp diện tích 900 m², giải quyết nhu cầu vui chơi thể thao cho người dân.

6.4. Nhà văn hóa xã, ấp thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng và hoạt động có hiệu quả, xã được đầu tư xây dựng mới 04 nhà văn hóa ấp, nâng cấp sửa chữa 05 nhà văn hóa ấp, các nhà văn hóa ấp có xây dựng hàng rào, trồng hoa, cây cảnh, xanh, sạch, đẹp.

Kinh phí: tổng kinh phí 8,83 tỷ đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

7. Tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.

7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

7.1. Xã có chợ Rạch Bàng được bố trí tại ấp Mỹ Hiệp A đúng theo quy hoạch được duyệt của UBND huyện. Chợ có diện tích 1.730 m² được xây dựng thành 2 khu nhà lồng, chợ cá diện tích là 186 m², nhà lồng bách hóa tổng hợp diện tích 544 m² đây là nơi buôn bán. Hiện nay chợ Rạch Bàng được bố trí đầy đủ các công trình phụ.

Việc thu gom rác và xử lý rác trong ngày xã có bố trí 06 thùng chứa rác cho các hộ tiểu thương để rác và hợp đồng với Công ty Sơn Trung Thành lấy rác về khu tập trung của huyện Càng Long.

Về công tác PCCC tại chợ được bố trí 02 bình chữa cháy, có xây dựng Phương án phòng cháy chữa cháy, được tập huấn về công tác phòng cháy, chữa cháy.

7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vặt, người kinh doanh; Có hệ thống thoát nước bảo đảm thông thoáng và dễ dàng thông tắc; Có thiết bị và phương án đảm bảo phòng cháy, chữa cháy cho chợ; Có bãi giữ xe đúng quy định; Có Ban quản lý chợ; Có nội quy chợ được UBND huyện phê duyệt; Có sử dụng cân đòì chứng để kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đảm bảo theo quy định.

Kinh phí: tổng kinh phí 1,72 tỷ đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

8. Tiêu chí 8 về Thông tin và truyền thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

8.3. Có trạm truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1. Xã có 01 Bưu điện văn hóa, diện tích 270 m², địa điểm ấp Đức Mỹ A là điểm giao dịch của các dịch vụ bưu chính để tiếp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hóa. Thời gian phục vụ đảm bảo theo quy định.

8.2. Toàn xã có 04 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông, internet công cộng là điểm do doanh nghiệp tư nhân đầu tư trực tiếp quản lý, khai thác phục vụ nhu cầu trao đổi, tìm hiểu thông tin, kiến thức của bà con nhân dân trong xã, mạng lưới internet đã phủ tận 09/09 ấp, người dân dễ dàng sử dụng để truy cập.

8.3. Xã có 01 đài truyền thanh đặt tại khu hành chính xã và có 9 cụm loa không dây được lắp đặt 09/09 ấp, đảm bảo thời lượng tiếp âm tạo thuận lợi cho công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến từng hộ dân.

8.4. Trong công tác quản lý điều hành xã có ứng dụng công nghệ thông tin để làm việc. Hiện nay trong cơ quan có 35 máy vi tính/36 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách, đạt 91,17 %, 01 công chức kế toán sử dụng phần mềm misa, phần mềm quản lý bảo hiểm, phần mềm quản lý chế độ chính sách, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý lương...01 công chức Tư pháp - Hộ tịch sử dụng phần mềm quản lý hộ tịch, tất cả cán bộ, công chức sử dụng hệ thống ioffice; cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách sử dụng gmail, zalo...phục vụ cho công tác chuyên môn của từng ngành.

Kinh phí: tổng kinh phí 1,98 tỷ đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm đánh giá.

9.2. Có ít nhất 80% hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

9.1. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chính sách đối với người có công, chính sách an sinh xã hội, Ủy ban nhân dân xã quan tâm chăm lo tốt gia đình hộ nghèo, cận nghèo, tập trung mọi nguồn lực thực hiện vận động và hỗ trợ xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách khó khăn về nhà ở. Trên địa bàn xã hiện không còn hộ không có đất ở và nhà tạm, nhà dột nát.

9.2. Toàn xã có 1.953/2.182 căn nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng, chiếm 89,5% so với tổng số nhà trên địa bàn xã.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo kết quả điều tra thu nhập năm 2021 trên địa bàn xã là 61,21 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Thu nhập theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) $\leq 2\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Qua điều tra hộ nghèo cuối năm 2021 xã còn 10 hộ nghèo chiếm 0,46%.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Hộ nghèo theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Số lao động trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 5.629/8.708 người, chiếm tỷ lệ 64,64%. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên 5.420/5.629 lao động chiếm 96,28% so với dân số trong độ tuổi lao động.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về lao động có việc làm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.

13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.

13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.1. Có Hợp tác xã hoạt động đúng luật Hợp tác xã (có bộ máy hoàn chỉnh, góp vốn điều lệ 01 tỷ đồng, thành viên có đơn đăng ký thành viên HTX (60 thành viên); có cung cấp đầu vào cho thành viên; doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước: doanh thu năm 2020 là 5 tỷ 250 triệu đồng, lợi nhuận 120 triệu, năm 2021 (9 tháng đầu năm) doanh thu 5 tỷ 866 triệu, lợi nhuận 130 triệu đồng).

13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững: Liên kết đầu vào và đầu ra trong tiêu thụ sản phẩm (sản phẩm chủ lực là cây lác); Hợp tác xã liên kết ký hợp đồng với cơ sở chiếu cao cấp Duy Linh ở Đồng Tháp 30 tấn/tháng và HTX Quyết Tâm 10 tấn/tháng...tạo điều kiện việc làm cho lao động tại xã.

13.3. Thực hiện theo kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xã đã chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả, cải tạo vườn tạp sang đất trồng cây lâu năm, cây ăn trái, hàng năm Ủy ban nhân dân xã có xây dựng kế hoạch, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Hiện nay đã chuyển đổi được 62,57 ha với 208 hộ qua đó giúp cho đời sống người dân từng bước đổi mới, tăng thu nhập trên cùng đơn vị diện tích. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là: cây lác, cây bưởi, cam sành, thanh long và cây dứa, đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: Trên địa bàn toàn xã có hệ thống trang thiết bị động lực, máy móc cơ giới đảm bảo phục vụ 85% trong các khâu sản xuất nông nghiệp.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*) $\geq 90\%$.

14.3. Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật $\leq 2\%$.

14.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 65\%$.

14.5. Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học độ 3, phổ cập trung học cơ sở mức độ 3.

14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*) năm 2020 – 2021 là 140/142, đạt tỷ lệ 98,59%.

14.3. Trong năm 2020-2021 có 04/548 em học sinh bỏ học giữa chừng, chiếm tỷ lệ 0,72%; không có học sinh hạnh kiểm kém, vi phạm về đạo đức, vi phạm pháp luật.

14.4. Toàn xã có 3.600/5.420 lao động có việc làm qua đào tạo chiếm 66,42%.

14.5. Xã có 5.420/5.420 lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp, đạt 100 %.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

15. Tiêu chí số 15 về Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên dân số theo niên giám thống kê đạt 90%.

15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 15\%$

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

15.1 Xã có 9.014/10.006 người dân tham gia bảo hiểm y tế, đạt 90,08%.

15.2 Xã Đức Mỹ đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2018 theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh. Năm 2020, xã Đức Mỹ được Trung tâm Y tế huyện huyện Càng Long phúc tra đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ y tế ban hành.

15.3. Trên địa bàn xã còn 89/726 trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) chiếm 12,26%.

15.4. Với biên chế tại trạm Y tế gồm: 01 bác sỹ, 02 y sỹ đa khoa, 01 y sỹ đông y, 01 nữ hộ sinh cao đẳng và 01 dược sỹ cao đẳng, 01 điều dưỡng, trạm Y tế xã luôn đảm bảo cho người dân được hưởng thụ các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu với chất lượng cao, không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người, công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Y tế theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1. Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn áp Văn hóa và áp Nông thôn mới $\geq 85\%$.

16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

16.1. Đến nay trên địa bàn xã có 09/9 ấp được Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới, đạt 100%.

16.2. Hàng năm Ủy ban nhân dân xã phối hợp cùng các ngành, các ấp tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao thu hút đông đảo người dân trong và ngoài xã tham gia.

- Luôn giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương, xây dựng quy ước đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, vận động các mạnh thường quân trong và ngoài xã hỗ trợ 855 phần quà; 10 căn nhà tình thương cho hộ nghèo, hộ khó khăn... Tổng trị giá 940 triệu đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Văn hóa theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:

a) Yêu cầu của tiêu chí

17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã.

17.2. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch:

- Nước hợp vệ sinh $\geq 99\%$

- Nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung $\geq 75\%$

17.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã (đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng); Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là $\geq 70\%$; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác).

17.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch $\geq 80\%$

17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 80\%$

17.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

17.10. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

17.1. Xã có 01 nhà máy nước với công suất thiết kế 1.200 m³, đảm bảo phục vụ 100% nhu cầu nước sạch cho người dân toàn xã.

17.2. Toàn xã có tổng số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch như sau:

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh là 2.755/2.755 hộ chiếm 100%.

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch 2.938/2.755 hộ đạt 106,6%.

17.3. Toàn xã có 32/32 cơ sở sản xuất kinh doanh, công ty, doanh nghiệp và làng nghề trên địa bàn đều có lập đề án, kế hoạch BVMT đơn giản và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo các quy định về môi trường chiếm 100% và thường xuyên phối hợp với phòng Tài nguyên - Môi trường huyện để kiểm tra nhắc nhở do đó các cơ sở thực hiện đúng theo đề án đã được phê duyệt.

17.4. Thực hiện Chỉ thị 15 hàng tuần, Ban chỉ đạo xã kết hợp với các ngành và nhân dân tổ chức ra quân tổng dọn dẹp vệ sinh môi trường được 42 cuộc với 1.513 lượt người tham gia, bảo đảm không có hành vi xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan; hồ ao, kênh mương, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ. Xã có chỉ đạo xây dựng được 38,6 km đèn đường và 14 km đường hoa cùng với hệ thống cây xanh tự nhiên dọc 02 bên từng tuyến đường, các hộ gia đình trên địa bàn trồng cây cảnh, hoa làm hàng rào cổng và sân vườn.

17.5. Có quy hoạch nghĩa trang thuộc ấp Đức Mỹ diện tích 5.000 m². Xã hiện có 2 khu đất đất thánh ở 2 ấp: Đức Mỹ A, Mỹ Hiệp A với tổng diện tích 5.000 m².

17.6. Xã có ký kết hợp đồng với Cty TNHH Sơn Trung Thành để thu gom rác thải sinh hoạt của xã tại các hộ gia đình cấp Hương Lộ 1, Khu vực chợ.

17.7. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh 2.040/2.182 hộ chiếm 93,49%. Có 09/09 ấp đều có mô hình “5 không 3 sạch” của chi hội phụ nữ, mô hình trồng hoa kiểng tại hộ gia đình. Các hộ gia đình đều có hệ thống tiêu và thoát nước đảm bảo vệ sinh không gây ứ đọng, không làm ô nhiễm môi trường không khí và nguồn nước xung quanh.

17.8. Xã có 860 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong đó có 755 hộ có chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh đạt 87,79%. Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh. Không phát sinh mùi hôi thối khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh. Có đủ hồ sơ, thủ tục về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh theo đúng quy định.

17.9. Toàn xã có 193 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm. Trong đó có 04 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 189 hộ ký bản cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.

17.10. Toàn xã có 6/6 cơ quan được công nhận đạt chuẩn văn hóa, có 4/4 trường học đạt chuẩn văn hóa, 4/4 cơ sở thờ tự tín ngưỡng thực hiện văn minh theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV, ngày 30/5/2014.

17.11. Xã không có quy hoạch khu xử lý rác thải tập trung của xã. Xã có hợp đồng với công ty Sơn Trung Thành thu gom rác thải sinh hoạt về bãi rác tập trung của huyện; rác thải, nước thải y tế được cơ quan chuyên môn xử lý theo quy định.

Kinh phí: tổng kinh phí 22,909 tỷ đồng.

- Ngân sách trung ương: 2,875 tỷ.

- Ngân sách tỉnh: 10,5 tỷ đồng.

- Dân đóng góp: 9,534 tỷ đồng.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.

18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

18.1. Toàn xã có 22/22 cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ – CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định số 04/2004/QĐ – BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 112/2011/NĐ – CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương, không bị xử lý kỷ luật.

18.2. Về tổ chức hệ thống chính trị xã được đảm bảo đầy đủ theo quy định.

18.3. Năm 2021 Đảng bộ xã được Huyện ủy kiểm tra, đánh giá chất lượng đạt mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội năm 2021 đều đạt từ loại khá trở lên.

18.5. Xã thực hiện đạt 5 tiêu chí theo Quyết định 619 của Chính phủ được Ủy Ban nhân dân huyện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

18.6. Đảng bộ xã có 02 đồng chí nữ giữ chức vụ chủ chốt của xã như: 01 là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; 01 là Chủ tịch MTTQ xã.

Xã không có trường hợp bạo lực gia đình, không còn tư tưởng trọng nam khinh nữ; 100% phụ nữ nghèo phụ nữ khuyết tật có nhu cầu đều được vay vốn từ các chương trình của NHCSXH; không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh:

a) Yêu cầu của tiêu chí

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương .

19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

19.3. Tỷ lệ ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

19.1. Ban chỉ huy Quân sự xã tham mưu kịp thời cho Đảng ủy - UBND xã xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác Quốc phòng Quân sự địa phương; đồng thời hàng năm bổ sung hoàn chỉnh các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu theo quy định.

Ban chỉ huy Quân sự xã phối hợp với Công an xã tổ chức tuần tra theo Nghị định số 03 và 133 của Chính phủ, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Hàng năm tổ chức đăng ký quản lý công dân trong độ tuổi Dân quân, phát triển mới và xây dựng lực lượng Dân quân bảo đảm chất lượng, biên chế đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân tự vệ.

Hàng năm đưa cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã và Dân quân Cơ động, Dân quân Tự vệ, Dân quân Bình chủng, Dân quân năm thứ nhất về trên tập huấn, huấn luyện đạt 100% chỉ tiêu được giao.

Bảo đảm nơi ăn, nghỉ cho 03 Dân quân thường trực và chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân Tự vệ đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân Tự vệ.

Xây dựng kế hoạch trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các ngày lễ lớn, ngày chính trị trọng đại của đất nước, qua đó điều động lực lượng dân quân cơ động trực bảo vệ đảm bảo quân số 100%. Ban CHQS xã đã hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ, danh sách thanh niên đảm bảo đúng quy định.

Xã được công nhận “Vững mạnh về Quốc phòng an ninh”.

19.2. Xã không có trường hợp khiếu kiện đông người, kéo dài; không có tội phạm và tệ nạn xã hội như ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút.

Xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo Quyết định số 10105/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND huyện Càng Long.

19.3. Xã có 9/9 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT đạt 100%.

19.4. Xã có 75 tổ tự quản; 15 câu lạc bộ tự quản về an ninh trật tự và có mô hình tự quản liên kết. Các câu lạc bộ hoạt động có hiệu quả góp phần giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh.

20. Tiêu chí số 20 về Hành chính công:

a) Yêu cầu của tiêu chí

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.

20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân theo quy trình ISO 9001/2015. Nhận và trả kết quả hồ sơ đúng hạn đạt 100%. Đồng thời, thực hiện tốt công tác gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống i-Office.

20.2. Xã thực hiện tốt các quy định về quy chế văn hóa cơ sở, những nội dung phải công khai cho dân biết, Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết đều được thực hiện nghiêm túc đúng theo Pháp

lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH 11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã.

20.3. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành tốt Quy chế văn hóa công sở tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước, Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26 tháng 02 năm 2007 về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương như: trang phục gọn gàng, giao tiếp và ứng xử lịch sự, hòa nhã, đặc biệt khi tiếp xúc với nhân dân... thể hiện đúng chuẩn mực của người cán bộ, công chức.

c) Đánh giá Mức độ đạt tiêu chí: Đạt tiêu chí về Hành chính công theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Ủy ban nhân xã thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, có hồ sơ chứng minh cho mức độ đạt của từng tiêu chí.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã là 20 đã được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Ủy ban nhân dân xã Đức Mỹ không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

III. KIẾN NGHỊ

Qua kết quả thẩm tra của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long thì xã Đức Mỹ đã hội đủ các điều kiện của một xã nông thôn mới nâng cao theo quy định. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sớm tổ chức phúc tra lại để xem xét công nhận xã Đức Mỹ huyện Càng Long đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2021.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Trà Vinh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN - PTNT huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Công Tín

Càng Long, ngày 10 tháng 12 năm 2021

**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT TỪNG TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

(Kèm theo Báo cáo số 594/BC-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Về việc
thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đối với xã
Đức Mỹ năm 2021)



I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá đạt hoặc không đạt
1	Quy hoạch	1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (kể cả khi điều chỉnh quy hoạch) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (có biên bản).	Đạt	Có quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đức Mỹ đến năm 2030.	Đạt
		1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt (thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương).	Đạt	Có quy chế quản lý quy hoạch Đã được UBND huyện phê duyệt theo quyết định số: 6562/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá đạt hoặc không đạt
----	--------------	-------------------	----------	-------------------	-----------------------------

2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ($B_{mặt} \geq 3,5$ m, $B_{nền} \geq 5$ m) trở lên.	100%	Đường trục xã liên xã được nhựa hóa, đạt kỹ thuật cấp B chiều dài 18,66 km, đạt tỷ lệ 100%	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt} \geq 3$ m, $B_{nền} \geq 4$ m) trở lên.	$\geq 70\%$	Đường liên ấp được cứng hóa đạt kỹ thuật cấp B chiều dài 30,85/38,69 km, đạt tỷ lệ 79,73%	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{mặt} \geq 1,5$ m, $B_{nền} \geq 2$ m) trở lên.	100% sạch và không lầy lội; trong đó: có 70% cứng hoá.	Tổng chiều dài 21,12km không lầy lội vào mùa mưa đã được cứng hóa đạt cấp loại B 16,4/21,12 km đạt 77,65%	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đồng theo quy hoạch được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt} \geq 3$ m, $B_{nền} \geq 4$ m) trở lên.	$\geq 70\%$	Đường trục chính nội đồng tổng chiều đã cứng hóa 2,8/2,8km, đạt 100%, cấp kỹ thuật cấp C.	Đạt
		2.5. Tỷ lệ đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng.	$\geq 50\%$	Hệ thống đèn đường chiếu sáng đường liên xã, liên ấp 23,6/24 km, đạt 98,33%	Đạt
		2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.	Đạt	Các công trình giao thông được duy tu, sửa chữa thường xuyên.	Đạt
3	Thù lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	$\geq 90\%$	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động 1.320/1.424,3 ha, đạt tỷ lệ 92,68.	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Xã có ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 về việc kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 về việc	Đạt

				phân công Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	Hệ thống điện đạt chuẩn theo quy định và phủ khắp trên toàn xã do điện lực Càng Long và điện lực nông thôn cung cấp. Tổng số đường dây trung thế 34,5 km; Hạ thế 70,8 km; 62 trạm biến áp dung lượng 2.167,5 KVA.	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.	≥ 99%	Toàn xã có 2.175/2.182 hộ sử dụng điện thường xuyên chiếm 99,67%. Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn từ các nguồn 2.166/2.175 hộ đạt 99,6%.	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	70%	Đến nay trên địa bàn xã có 3/4 trường học có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Quốc gia đạt tỷ lệ 75%; trong đó có 1 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Nhà văn hóa rộng 272,85 m ² có sức chứa trên 200 chỗ ngồi, có đủ 3 phòng chức năng; khu thể thao với diện tích 7.412,68 m ² địa điểm ấp Mỹ Hiệp đảm bảo phục vụ các hoạt động thể thao cho Nhân dân trong xã.	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.	Đạt	Xã có xây dựng điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.	Đạt
		6.3. Tỷ lệ ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	100%	Xã có 9/9 ấp đều có nhà văn hóa đảm bảo được 100 chỗ ngồi; Khu thể thao 09 ấp, xã bố trí 3 khu thể thao liên-ấp khu 1 bố trí tại ấp Long Sơn với diện tích 1.200 m ² , khu 2 bố trí tại Mỹ Hiệp A với diện tích 1.000 m ² , khu 3 bố trí tại ấp Thạnh Hiệp diện tích 900 m ²	Đạt

		6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (cây xanh hoặc hàng rào kiên cố; có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.	Đạt	Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả. Ban nhân dân các ấp, ban ngành đoàn thể thường xuyên dọn dẹp cảnh quang, khuôn viên, trồng cây xanh tạo vẻ mỹ quan xanh, sạch, đẹp	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.	Đạt	Xã có chợ diện tích 1.730 m ² được xây dựng thành 2 khu nhà lồng, được bố trí đầy đủ các công trình phụ. Việc thu gom rác và xử lý rác trong ngày xã có bố trí 06 thùng chứa rác có bình phòng cháy, chữa cháy.	Đạt
		7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.	Đạt	Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành nội quy chợ, có sự sắp xếp theo ngành hàng.	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	01 Bưu điện văn hóa, diện tích 270 m ²	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.	Đạt	Toàn xã có 04 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông, internet công cộng, mạng lưới internet đã phủ tận 09/09 ấp, người dân dễ dàng sử dụng để truy cập.	Đạt
		8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.	Đạt	Có 01 đài truyền thanh và hệ thống loa đến 9/9 ấp	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).	Đạt	Xã đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và hệ thống máy tính. 35 máy vi tính/36 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách, đạt 91,17 %,	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm	Đạt	Hiện nay trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột và hộ không có đất ở	Đạt

		đánh giá.			
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng	≥ 80%	Số hộ có nhà ở đạt chuẩn là 1.953/2.182 căn, chiếm 89,5%	Đạt

III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá đạt hoặc không đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới.	Đạt	Thu nhập bình quân 61,21 triệu đồng/ người/năm.	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (<i>trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội</i>).	≤ 2%	Hộ nghèo 10 hộ, chiếm tỷ lệ 0,46%.	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 95%	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên 5.420/5.629 lao động chiếm 96,28% so với dân số trong độ tuổi lao động.	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.	Đạt	Có Hợp tác xã hoạt động đúng luật Hợp tác xã (có bộ máy hoàn chỉnh, góp vốn điều lệ 01 tỷ đồng, thành viên có đơn đăng ký thành viên HTX (60 thành viên); có cung cấp đầu vào cho thành viên; doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước	Đạt
		13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.	Đạt	Hợp tác xã liên kết ký hợp đồng với cơ sở chiếu cao cấp Duy Linh ở Đồng Tháp 30 tấn/tháng và HTX Quyết Tâm 10 tấn/tháng...	Đạt
		13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của	Đạt	Thực hiện theo kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xã đã chuyển đổi từ đất trồng lúa	Đạt

	xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		kém hiệu quả, cải tạo vườn tạp sang đất trồng cây lâu năm, cây ăn trái. hàng năm Ủy ban nhân dân xã có xây dựng kế hoạch, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Hiện nay đã chuyển đổi được 62,57 ha với 208 hộ qua đó giúp cho đời sống người dân từng bước đổi mới, tăng thu nhập trên cùng đơn vị diện tích. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là: cây lác, cây bưởi, cam sành, thanh long và cây dừa, đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.	
	13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.	≥ 80%	Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt 85%; xã chưa có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hữu cơ.	Đạt

IV. GIÁO DỤC – Y TẾ - VĂN HÓA

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá đạt hoặc không đạt
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.	Đạt	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học độ 3, phổ cập trung học cơ sở mức độ 3.	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (<i>phổ thông, bổ túc, học nghề</i>).	≥ 90%	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (<i>phổ thông, bổ túc, học nghề</i>) năm 2020 – 2021 là 140/142, đạt tỷ lệ 98,59%.	Đạt
		14.3. Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.	≤ 2%	Trong năm 2020-2021 có 04/548 em học sinh bỏ học giữa chừng, chiếm tỷ lệ 0,72%; không có học sinh hạnh kiểm kém, vi phạm về đạo đức, vi phạm pháp luật.	Đạt
		14.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	≥ 65%	Có 3.600/5.420 lao động có việc làm qua đào tạo chiếm 66,42%.	Đạt

		14.5. Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp	100%	có 5.420/5.420 lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp, đạt 100 %.	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên dân số theo niên giám thống kê.	$\geq 90\%$	Có 9.014/10.006 người dân tham gia bảo hiểm y tế, đạt 90,08%.	Đạt
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.	Đạt	Đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2018 theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh. Năm 2020, xã Đức Mỹ được phúc tra đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ y tế ban hành.	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 15\%$	còn 89/726 trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) chiếm 12,26%.	Đạt
		15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.	Đạt	Trạm Y tế xã luôn đảm bảo cho người dân được hưởng thụ các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu với chất lượng cao, không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người, công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả.	Đạt
16	Văn hóa	16.1. Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn áp Văn hóa và áp Nông thôn mới.	$\geq 85\%$	9/9 áp đạt chuẩn Văn hóa và nông thôn mới, đạt 100%	Đạt
		16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân	Đạt	Luôn giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương, xây dựng quy ước đã được UBND huyện phê duyệt;	Đạt

	tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện.		Các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, vận động các mạnh thường quân trong và ngoài xã hỗ trợ 855 phần quà; 10 căn nhà tình thương cho hộ nghèo, hộ khó khăn... Tổng trị giá 940 triệu đồng.	
--	--	--	---	--

V. CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá đạt hoặc không đạt
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã	Đạt	Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã.	Đạt
		17.2. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch: - Nước hợp vệ sinh - Nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 99\%$ $\geq 75\%$	Xã có 01 nhà máy nước với công suất thiết kế 1.200 m ³ , đảm bảo phục vụ 100% nhu cầu nước sạch cho người dân toàn xã.	Đạt
		17.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	Toàn xã có 32/32 cơ sở sản xuất kinh doanh có lập và thực hiện đúng đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường, đạt 100%	Đạt
		17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	38,6 km đèn đường và 14 km đường hoa	Đạt
		17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã (đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng); Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Có quy hoạch nghĩa trang thuộc ấp Đức Mỹ diện tích 5.000 m ² . Xã hiện có 2 khu đất đất thánh ở 2 ấp: Đức Mỹ A, Mỹ Hiệp A với tổng diện tích 5.000 m ² .	Đạt

		17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là $\geq 70\%$; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác).		Xã có ký kết hợp đồng với Cty TNHH Sơn Trung Thành để thu gom rác thải sinh hoạt của xã tại các hộ gia đình cấp Hương Lộ 1, Khu vực chợ.	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch.	$\geq 80\%$	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh 2.040/2.182 hộ chiếm 93,49%. Có 09/09 ấp đều có mô hình “5 không 3 sạch” của chi hội phụ nữ, mô hình trồng hoa kiểng tại hộ gia đình.	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 80\%$	Xã có 860 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong đó có 755 hộ có chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh đạt 87,79%.	Đạt
		17.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	Toàn xã có 193 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm. Trong đó có 04 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 189 hộ ký bản cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.	Đạt
		17.10. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.	Đạt	Toàn xã có 6/6 cơ quan được công nhận đạt chuẩn văn hóa, có 4/4 trường học đạt chuẩn văn hóa, 4/4 cơ sở thờ tự tín ngưỡng thực hiện văn minh	Đạt
		17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh		Xã không có quy hoạch khu xử lý rác thải tập trung của xã	

VI. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - AN NINH TRẬT TỰ - HÀNH CHÍNH CÔNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá đạt hoặc
----	--------------	-------------------	----------	-------------------	-------------------

					không đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Xã có 22/22 cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Tổ chức Đảng; chính quyền; tổ chức chính trị - xã hội: UBMTTQVN xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên.	
		18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.	Đạt	Năm 2021, Đảng bộ, chính quyền xã được kiểm tra đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Đạt
		18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.	Đạt	Cuối năm 2021, các tổ chức chính trị - xã hội của xã được kiểm tra công nhận đạt từ loại khá trở lên	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đảng bộ xã có 02 đồng chí nữ giữ chức vụ chủ chốt của xã như: 01 là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; 01 là Chủ tịch MTTQ xã. Xã không có trường hợp bạo lực gia đình, không còn tư tưởng trọng nam khinh nữ; 100% phụ nữ nghèo phụ nữ khuyết tật có nhu cầu đều được vay vốn từ các chương trình của NHCSXH; không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.	Đạt	Ban chỉ huy Quân sự xã tham mưu kịp thời cho Đảng ủy - UBND xã xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác Quốc phòng Quân sự địa phương; đồng thời hàng năm bổ sung hoàn chỉnh các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Xã được công nhận “Vững mạnh về Quốc phòng an ninh”.	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội	Đạt	Năm 2021 xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự	Đạt

		(ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giám liên tục so với các năm trước.			
		19.3. Tỷ lệ ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.	\geq 90%	Xã có 9/9 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự. đạt 100%	Đạt
		19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Xã có 75 tổ tự quản; 15 câu lạc bộ tự quản về an ninh trật tự và có mô hình tự quản liên kết. Các câu lạc bộ hoạt động có hiệu quả góp phần giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.	Đạt
20	Hành chính công	20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.	Đạt	Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân theo quy trình ISO 9001/2015 đúng quy định.	Đạt
		20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.	Đạt	Thực hiện đúng các quy định về dân chủ cơ sở, có niêm yết công khai các thủ tục hành chính để người dân	Đạt
		20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.	Đạt	100% Cán bộ, công chức xã chấp hành tốt Quy chế văn hóa công sở, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.	Đạt